

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2022
“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tô Thị Thanh T**, sinh năm 1971

ĐKHKTT: Thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Nhất L**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: số 3... B, phường B, quận Kiến An, TP Hải Phòng.

Chị T, anh L đều đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Tô Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Phạm Nhất L được tự do tìm hiểu và chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1993, được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi cưới, chị và anh L về chung sống cùng nhau tại xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Từ năm 1993 đến nay, chị và anh L vẫn chưa đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Từ đó mà vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, anh L đi làm ăn, sinh sống tại số 3... B, phường B, quận Kiến An, TP Hải Phòng, chị vẫn ở nhà làm tự do để nuôi con ăn học, hai bên không còn

quan tâm gì đến nhau nhiều năm nay. Nay, chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Do không đăng ký kết hôn nên trường hợp Tòa án không công nhận giữa chị và anh L là vợ chồng chị cũng nhất trí.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Nhật L trình bày:* Về thời gian và điều kiện anh chị chung sống với nhau như vợ chồng đúng như chị T đã trình bày: Sau khi tổ chức đám cưới, anh chị về chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi nhau. Từ đó mà vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, anh đi làm ăn, sinh sống tại Hải Phòng, chị T vẫn sinh sống ở huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị T xin ly hôn, anh nhất trí để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh L đều xác định: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Nhật L, sinh ngày 14/02/1995 và Phạm Công T, sinh ngày 07/5/2001, các con chung của anh chị đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), phát triển bình thường về thể lực, trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị T, anh L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả làm việc với đại diện UBND xã Q và các đoàn thể, đại diện hội phụ nữ thôn C, xã Q đều được cung cấp: Anh L, chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi về chung sống cùng bố mẹ anh L một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào địa phương không nắm được vì anh chị không báo cáo và đề nghị hoà giải. Mặc dù vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng anh L đã xuống làm ăn, sinh sống tại TP Hải Phòng nhiều năm nay, chị T ở nhà nuôi con ăn học, anh chị đã sống ly thân từ rất lâu, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị T xin ly hôn anh L, do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Cả chị T và anh L đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử không công nhận quan hệ giữa chị Tô Thị Thanh T và anh Phạm Nhật L là vợ chồng; Về con chung, tài sản chung không giải quyết. Chị Tô Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Nguyên đơn là chị Tô Thị Thanh T và bị đơn anh Phạm Nhật L đã được Toà án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 không đăng ký kết hôn. Khi thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nhà nước đã có văn bản hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như anh chị, nhưng đến nay hai anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị T và anh L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, chị T yêu cầu xin được ly hôn anh L, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Phạm Nhật L, sinh ngày 14/02/1995 và Phạm Công T, sinh ngày 07/5/2001 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên Toà án không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh L không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tô Thị Thanh T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Tô Thị Thanh T và anh Phạm Nhật L là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Tô Thị Thanh Tphải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2020/0004411 ngày 22/3/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân